



**TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2739/EVN-KD

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

V/v triển khai thực hiện giá điện cho
các khách hàng sử dụng điện bị ảnh
hưởng của dịch COVID-19

Kính gửi:

- Các Tổng Công ty Điện lực;
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin;
- Trung tâm Thông tin Điện lực.

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2020 và Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 (sao gửi kèm theo), Tập đoàn Điện lực Việt Nam yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung như sau:

I. Thực hiện giảm giá bán điện, giảm tiền điện

- Thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trọn kỳ hóa đơn trong vòng đủ ba (03) tháng. Thời điểm giảm giá điện, giảm tiền điện được xác định theo kỳ ghi chỉ số hàng tháng của Đơn vị Điện lực tại công tơ điện của khách hàng.
 - ✓ Đối với khách hàng sử dụng điện sinh hoạt: Áp dụng cho các kỳ hoá đơn tiền điện tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2020.
 - ✓ Đối với các khách hàng sử dụng điện ngoài sinh hoạt được giảm giá điện, giảm tiền điện sẽ được áp dụng ngay từ kỳ hoá đơn gần nhất kể từ ngày 16/4/2020.
- Giá bán điện áp dụng trong 03 tháng hỗ trợ thực hiện theo Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 (sau đây gọi tắt là Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL) với một số nội dung như sau:
 - ✓ Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất và kinh doanh: Giảm 10% giá bán lẻ điện quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về điều chỉnh mức giá bán lẻ bình quân và qui định giá bán điện (Quyết định số 648/QĐ-BCT) ở các khung giá giờ cao điểm, giờ bình thường và giờ thấp điểm.
 - ✓ Giá bán lẻ cho các khách hàng sử dụng điện sinh hoạt: Giảm 10% giá bán lẻ điện sinh hoạt từ bậc 1 đến bậc 4 quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT.
 - ✓ Khách hàng là các cơ sở lưu trú du lịch (theo qui định tại Luật Du lịch 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan): giảm giá điện từ mức giá bán lẻ điện áp dụng cho kinh doanh xuống bằng mức giá điện áp dụng cho các ngành sản xuất sau khi giảm giá.
 - ✓ Đối với giá bán buôn điện nông thôn; giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư; giá bán buôn điện cho tổ hợp thương mại-dịch vụ-sinh hoạt:

Giảm 10% giá bán buôn điện đối với bậc 1 đến bậc 4 của giá sinh hoạt; giảm 10% giá bán buôn cho mục đích khác tại Quyết định số 648/QĐ-BCT.

- ✓ Đối với giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp, giá bán buôn điện cho chợ: Giảm 10% giá bán buôn điện so với biểu giá bán buôn điện tại Quyết định số 648/QĐ-BCT.
- ✓ Giá bán điện của các khách hàng được hỗ trợ để tháo gỡ khó khăn trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Bộ Công Thương được tính toán làm tròn số học đến hàng đơn vị (*Phụ lục đính kèm*).
- ✓ Các khách hàng không được hỗ trợ do tác động của dịch COVID-19 vẫn thực hiện theo biểu giá tại Quyết định số 648/QĐ-BCT.
- Mức hỗ trợ giảm tiền điện được tính trên số tiền tính theo giá điện mà đối tượng được hưởng trên cơ sở các quy định hiện hành (*giá trị trước thuế*) trực tiếp cho các khách hàng sử dụng điện là cơ sở phòng, chống dịch COVID-19 mua điện từ các đơn vị thuộc Tập đoàn như:
 - ✓ Giảm 100% tiền điện cho các cơ sở (không phải là khách sạn) được dùng để cách ly, khám bệnh tập trung bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.
 - ✓ Giảm 20% tiền điện cho các cơ sở y tế được dùng để khám, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.
 - ✓ Giảm 20% tiền điện cho các khách sạn được dùng để cách ly bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.
- Về việc xác định các cơ sở phòng, chống dịch COVID-19: Danh sách và phân loại các cơ sở phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 được giảm tiền điện do Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh COVID-19, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập, xác nhận, hàng tháng cung cấp cho các Đơn vị Điện lực triển khai thực hiện.
- Trường hợp khách hàng thuộc nhiều đối tượng được hưởng chính sách giảm giá điện, giảm tiền điện thì được áp dụng đầy đủ các chương trình hỗ trợ.
- Quy định về thực hiện giá bán điện thực hiện theo: Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BCT); Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện (sau đây gọi tắt là Thông tư số 25/2018/TT-BCT).
- Sau thời hạn giảm giá điện, giảm tiền điện: Áp dụng giá bán điện cho tất cả các đối tượng khách hàng theo quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019.

II. Hướng dẫn thực hiện xác định cơ sở lưu trú du lịch

- Căn cứ để xác định đối tượng khách hàng “cơ sở lưu trú du lịch”:
 - ✓ Luật Du lịch năm 2017.
 - ✓ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

- ✓ Điều 5, Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 về Sửa đổi một số quy định tại Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
- ✓ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
- Theo cơ sở các căn cứ pháp lý trên, để được hưởng ưu đãi chuyển đổi giá sang giá sản xuất cho đối tượng “cơ sở lưu trú du lịch” theo Luật Du lịch 2017, các Đơn vị Điện lực đề nghị khách hàng cung cấp 01 trong các giấy tờ sau: (i) Văn bản của Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả kiểm tra đến cơ sở lưu trú du lịch theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP có nội dung xác nhận đủ điều kiện là cơ sở lưu trú du lịch; (ii) Quyết định hạng cơ sở lưu trú du lịch được các cơ quan có thẩm quyền cấp.

III. Tổ chức triển khai

1. Các Tổng Công ty Điện lực

- Niêm yết công khai Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL và Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư số 25/2018/TT-BCT và các văn bản hướng dẫn về giá bán điện của Tập đoàn, Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công Thương tại tất cả các địa điểm giao dịch với khách hàng, website Chăm sóc khách hàng, website đơn vị theo quy định của Luật Điện lực.
- Nội dung tiền hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi COVID-19 được thể hiện như các mẫu thể hiện hóa đơn điện tử gửi kèm văn bản này.
- Tính toán, lập hóa đơn tiền điện và thực hiện chặt chẽ kiểm soát hóa đơn, đặc biệt là các trường hợp khách hàng có sự thay đổi trong kỳ hóa đơn (treo tháo hệ thống đo đếm, thay đổi mục đích sử dụng điện...) để tránh sai sót. Việc thông báo tiền điện đến khách hàng qua các kênh giao tiếp trong các tháng hỗ trợ cần bổ sung nội dung: (1) Số tiền thông báo để khách hàng thanh toán là số tiền đã được hỗ trợ; (2) Bổ sung nội dung “Số tiền đã được hỗ trợ do ảnh hưởng của COVID-19 trong kỳ hóa đơn ... mm/yyyy là (đồng)”.
- Hàng tháng đề nghị UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp danh sách các cơ sở cách ly, điều trị phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn để làm cơ sở cho việc thực hiện hỗ trợ giảm tiền điện.
- Đối với các cơ sở lưu trú du lịch, triển khai theo các công việc sau:
 - + Thông báo cho tất cả khách hàng hiện đang áp dụng giá kinh doanh về chính sách chuyển sang giá sản xuất cho các cơ sở lưu trú du lịch và đề nghị các khách hàng đủ điều kiện cung cấp giấy tờ xác định “cơ sở lưu trú du lịch” theo quy định của Luật Du lịch năm 2017 là 01 trong các giấy tờ sau: (i) Văn bản của Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả kiểm tra đến cơ sở lưu trú du lịch theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP có nội dung xác nhận đủ điều kiện là cơ sở lưu trú du lịch; (ii) Quyết định hạng cơ sở lưu trú du lịch được các cơ quan có thẩm quyền cấp. Trong nội dung thông báo cần cung cấp các kênh tiếp nhận yêu cầu với thứ tự ưu tiên: (i) Công Dịch vụ công Quốc gia; (ii) Các kênh trên Internet (Web CSKH/App CSKH/Email/Zalo...); (iii) Tổng đài CSKH; (iv) Phòng Giao dịch khách hàng.

- + Tiếp nhận hồ sơ của khách hàng trên các kênh cung cấp dịch vụ của Đơn vị Điện lực và thực hiện chuyển đổi đối tượng giá từ kinh doanh sang sản xuất tương ứng cấp điện áp cho các trường hợp đủ điều kiện theo trình tự, thời gian của dịch vụ “*Thay đổi mục đích sử dụng điện*”, thông báo kết quả cho khách hàng về thời gian áp dụng giảm giá bán điện từ giá kinh doanh sang giá sản xuất.
 - + Đối với khách hàng đề nghị chuyển đổi giá nhưng không xác định được là cơ sở lưu trú du lịch, Đơn vị Điện lực lập danh sách và gửi đến Tổng cục Du lịch, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đề nghị xác định và thông báo đến khách hàng sau khi có kết quả.
 - + Thực hiện các thủ tục thoái hoàn hóa đơn tiền điện (*nếu có*) cho các cơ sở lưu trú du lịch để đảm bảo quyền lợi được hỗ trợ tiền điện các kỳ hóa đơn trong vòng 03 tháng (*kể từ kỳ hoá đơn gần nhất tính từ ngày 16/04/2020*) theo đúng chỉ đạo của Bộ Công Thương.
 - Trong khoảng thời gian hỗ trợ giảm giá bán điện, các Đơn vị Điện lực không được thay đổi lịch GCS, không thực hiện chuyển kỳ hóa đơn với các khách hàng nhiều kỳ, hạn chế tối đa việc thay định kỳ hệ thống đo đếm.
 - Khẩn trương tổ chức tập huấn qua các công cụ họp trực tuyến cho tất cả CBCNV có liên quan đến công tác thực giá điện để thực hiện đúng các hướng dẫn của Tập đoàn, Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL, Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư số 25/2018/TT-BCT và cách thức tính toán hóa đơn tiền điện trong 3 tháng giảm giá. Với các khách hàng được hỗ trợ giảm giá điện, sau 3 tháng sẽ tiếp tục áp dụng giá theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 để thực hiện đúng quy định.
 - Bồi huấn cho các điện thoại viên (ĐTV) tại các Trung tâm Chăm sóc khách hàng (CSKH), các thu ngân viên của Điện lực, các tổ chức trung gian thu tiền điện về phương pháp tính toán, nội dung thể hiện thay đổi giá trên bản thể hiện của hóa đơn tiền điện, biên nhận thanh toán và công cụ tính toán hoá đơn tiền điện trực tuyến để giải thích cho khách hàng.
 - Bố trí lực lượng ĐTV tại các Trung tâm CSKH, lực lượng tại bộ phận giao dịch khách hàng nắm chắc nghiệp vụ để giải đáp, xử lý kịp thời, chính xác các thắc mắc từ khách hàng hoặc được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng, không để xảy ra các sai sót làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, uy tín của Tập đoàn cũng như gây nên sự phản ứng không cần thiết của khách hàng.
 - Giao Giám đốc các CTĐL/ĐL trực tiếp tổ chức việc giải quyết các kiến nghị của khách hàng liên quan đến tiền điện trong vòng 24h.
 - Phối hợp với Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin để kiểm tra phiên bản chương trình CMIS, đặc biệt là chức năng thay đổi giá bán điện.
2. Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin
- Khẩn trương hoàn thành chức năng thay đổi giá bán điện trong hệ thống CMIS đáp ứng việc giảm giá điện, giảm tiền điện và thể hiện hóa đơn điện từ theo yêu cầu, gửi phiên bản và tài liệu hướng dẫn cho các Tổng Công ty Điện lực đáp ứng đầy đủ công tác đổi giá điện, **trước ngày 17/4/2020.**

- Nâng cấp công cụ tính toán hóa đơn trực tuyến trong đó có chức năng phục vụ tính toán thay đổi giá điện và phối hợp với EVNEIC để cập nhật lên chuyên mục “EVN&Khách hàng” của website của Tập đoàn.
- Bổ sung các chức năng chương trình để theo dõi số khách hàng được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ theo các đối tượng, theo từng đơn vị... vào hệ thống CMIS và Cổng thông tin điều hành công tác KD&DVKH để đảm bảo Tập đoàn, các TCTĐL/CTĐL/ĐL theo dõi được theo từng ngày, tuần, tháng và toàn bộ đợt hỗ trợ.
- Bố trí lực lượng hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị trong việc lập hóa đơn tiền điện trong các kỳ hóa đơn giảm giá điện, giảm tiền điện và kỳ hóa đơn sau khi kết thúc đợt hỗ trợ, áp dụng trở lại giá theo Quyết định số 648/QĐ-BCT, đảm bảo chính xác và đúng thời gian quy định.

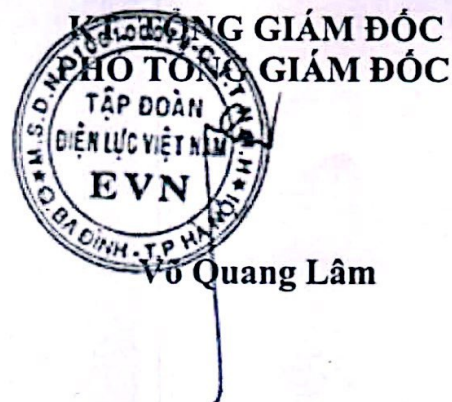
3. Trung tâm Thông tin Điện lực (EVNEIC)

- Niêm yết công khai Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL và Thông tư số 16/2014/TT-BCT và Thông tư số 25/2018/TT-BCT trên chuyên mục “EVN&khách hàng” của website EVN.
- Tiếp nhận và chuyển các thắc mắc, hỏi đáp về giá điện của khách hàng từ website EVN tới các Trung tâm CSKH, kịp thời phối hợp với Ban Kinh doanh Tập đoàn, các TCTĐL giải quyết các thắc mắc của khách hàng tại chuyên mục “EVN&khách hàng” của website EVN.

Yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phản ánh về Tập đoàn Điện lực Việt Nam để kịp thời xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương (để b/cáo);
- UBQLVNN (để b/cáo);
- Cục Điều tiết Điện lực - BCT (để b/cáo);
- HĐTV (để b/cáo);
- Tổng Giám đốc (để b/cáo);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- KSVNN (để b/cáo);
- Công đoàn Điện lực Việt Nam;
- EVNEPTC; EVNNLDC, EVNNPT (để p/h);
- Các Ban Tập đoàn;
- Lưu VT, KD, PC, TCKT.



**BẢNG GIÁ BÁN ĐIỆN ÁP DỤNG CHO ĐIỆN NĂNG TRONG KHOẢNG THỜI
GIAN ĐỂ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN DO ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19**

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất	
1.1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.382
	b) Giờ thấp điểm	873
	c) Giờ cao điểm	2.483
1.2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.400
	b) Giờ thấp điểm	906
	c) Giờ cao điểm	2.584
1.3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.450
	b) Giờ thấp điểm	940
	c) Giờ cao điểm	2.668
1.4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.517
	b) Giờ thấp điểm	990
	c) Giờ cao điểm	2.768
2	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
2.1	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	2.198
	b) Giờ thấp điểm	1.225
	c) Giờ cao điểm	3.826
2.2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	2.366
	b) Giờ thấp điểm	1.392
	c) Giờ cao điểm	3.960
2.3	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	2.399
	b) Giờ thấp điểm	1.460
	c) Giờ cao điểm	4.128
3	Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.510
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.561
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.813
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.282
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.834

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.927
4	Giá bán buôn điện nông thôn	
4.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.263
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.313
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.431
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.774
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.231
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.323
4.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.326
5	Giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư	
5.1	Thành phố, thị xã	
5.1.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
5.1.1.1	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.411
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.462
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.655
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.094
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.625
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.713
5.1.1.2	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.391
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.441
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.607
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.031
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.538
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.652
5.1.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.337
5.2	Thị trấn, huyện lỵ	
5.2.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
5.2.1.1	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.363
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.413
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.572
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.989
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.486

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.569
5.2.1.2	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.342
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.392
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.537
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.907
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.399
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.480
5.2.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.337
6	Giá bán buôn điện cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt	
6.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.481
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.531
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.778
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.238
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.780
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.871
6.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	
	a) Giờ bình thường	2.275
	b) Giờ thấp điểm	1.384
	c) Giờ cao điểm	3.914
7	Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp	
7.1	Giá bán buôn điện tại thanh cái 110 kV của trạm biến áp 110 kV/35-22-10-6 kV	
7.1.1	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp lớn hơn 100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.332
	b) Giờ thấp điểm	851
	c) Giờ cao điểm	2.432
7.1.2	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp từ 50 MVA đến 100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.327
	b) Giờ thấp điểm	825
	c) Giờ cao điểm	2.420
7.1.3	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp dưới 50 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.319
	b) Giờ thấp điểm	823

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	c) Giờ cao điểm	2.406
7.2	Giá bán buôn điện phía trung áp của trạm biến áp 110/35-22-10-6 kV	
7.2.1	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.373
	b) Giờ thấp điểm	890
	c) Giờ cao điểm	2.535
7.2.2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.423
	b) Giờ thấp điểm	922
	c) Giờ cao điểm	2.617
8	Giá bán buôn điện cho chợ	2.145